

KINH TẾ TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2004 - 2009: NHỮNG THÀNH TỰU VÀ THÁCH THỨC

LÊ VĂN NHẤT*

TÓM TẮT

Với nguồn tài nguyên khá dồi dào, hiện nay Đắk Lắk đang xây dựng một cơ cấu kinh tế với nhiều ngành, đặc biệt những ngành được xem là có lợi thế so sánh. Tuy nhiên, một số khó khăn về tự nhiên cũng như về kinh tế - xã hội chính là rào cản lớn cho sự phát triển nói chung. Vì vậy, vấn đề tìm được cơ chế, chính sách thích hợp cũng như các giải pháp nhằm đưa nền kinh tế của Đắk Lắk phát triển là một nhiệm vụ cấp thiết hiện nay.

Từ khóa: kinh tế tỉnh Đắk Lắk, thực trạng kinh tế tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2004 – 2009.

ABSTRACT

Economic status of Dak Lak province in the period of 2004 to 2009 - achievements and challenges

With rather plentiful natural resources, Dak Lak province are now restructuring the economy with a variety of lines; especially, the ones having competitive advantages. However, some difficulties in nature as well as in econo-social situations are the barriers for development. Therefore, the issue to find a suitable mechanism, policy as well as solutions aiming at promoting the economy of the province is a present critical task.

Keywords: economic of Dak Lak, economic status of Dak Lak province in the period of 2004 to 2009.

1. Đặt vấn đề

Đắk Lắk là tỉnh nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên với diện tích tự nhiên là 13.125,4 km² và dân số là 1.733.113 người (năm 2009), chiếm 24% diện tích và 33,8% dân số của toàn vùng. Từ năm 2004, Đắk Nông được tách khỏi Đắk Lắk theo Nghị quyết số 22/2003/QH ngày 26-11-2003 về điều chỉnh lại địa giới hành chính của tỉnh.

Đắk Lắk có điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên phong phú: đất bazan màu mỡ; thời tiết, khí hậu rất thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển các cây trồng có giá trị kinh tế cao như: cà phê, cao su, hồ tiêu, bông vải... tài nguyên

rừng đặc sắc, tiềm năng thủy điện dồi dào, khoáng sản có nhiều loại, tài nguyên du lịch đa dạng. Đây là điều kiện thuận lợi để tỉnh phát triển một nền kinh tế với cơ cấu nhiều ngành.

Trên địa bàn Đắk Lắk có 44 dân tộc, trong đó có nhiều dân tộc từ nhiều tỉnh, thành của cả nước di cư đến. Mỗi dân tộc có tập quán, kinh nghiệm sản xuất quý báu được tích lũy qua nhiều thế hệ. Cộng đồng các dân tộc sống gắn bó, đoàn kết và chung sức trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đắk Lắk là đầu mối giao thông liên vùng nổi bật với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên, duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ thông qua các tuyến quốc lộ 14, 26, 27 và 14C, tỉnh có sân bay nội địa

* ThS, Trường THPT Buôn Đôn, Đắk Lắk

Buôn Ma Thuột. Bên cạnh đó, sự quan tâm của Nhà nước với chính sách tăng cường đầu tư trong những năm qua đã làm cho kinh tế tỉnh Đắk Lắk có sự tăng trưởng đáng kể và dần khẳng định vai trò là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng Tây Nguyên – một cực trong tam giác phát triển Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia.

2. Những thành tựu và thách thức

2.1. Những thành tựu

2.1.1. Quy mô và tốc độ tăng trưởng GDP

Trong giai đoạn 2004 - 2009, quy mô GDP không ngừng tăng lên, từ 6765,5 tỉ đồng năm 2004, lên 21.797,7 tỉ

đồng năm 2009. Như vậy chỉ trong vòng 6 năm, GDP tăng 3,2 lần.

Về quy mô GDP, Đắk Lắk đứng đầu trong 5 tỉnh của vùng Tây Nguyên với gần 30% GDP toàn vùng.

Nhờ quy mô GDP tăng nhanh nên GDP bình quân đầu người cũng được nâng cao rõ rệt (xem bảng 1). GDP/người giai đoạn 2004 - 2009 tăng gấp 3 lần, chất lượng cuộc sống được cải thiện. Về GDP/người, Đắk Lắk đứng thứ 3 trong vùng (sau Lâm Đồng và Đắk Nông), song vẫn thấp hơn mức trung bình của cả nước (19,3 triệu đồng/người).

Bảng 1. GDP, GDP/người của Đắk Lắk giai đoạn 2004 - 2009 [1]

Chỉ tiêu	2004	2006	2008	2009
GDP (tỉ đồng)	6.765,5	10.420,5	20.112,5	21.797,7
GDP/ người (triệu đồng/người)	4,1	6,2	11,7	12,6

Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2004 - 2009 là 11,2%. Nếu xét về sự tăng trưởng của từng khu vực thì công nghiệp - xây dựng có tốc độ tăng cao nhất, đạt 22,5%; ngành dịch vụ ở vị trí thứ hai với 20,8%, còn khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chỉ tăng 5,6%. Đây là con số khá ấn tượng trong điều kiện kinh tế - xã hội của một tỉnh miền núi vốn còn rất nhiều khó khăn. Nếu đem so sánh với Tây Nguyên và cả nước thì tốc độ tăng trưởng bằng với mức tăng bình quân của vùng Tây Nguyên và cao hơn mức tăng

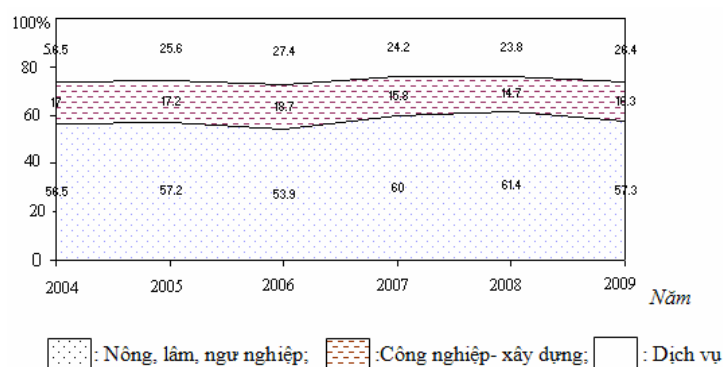
bình quân của cả nước cùng kì.

Kết quả nêu trên thể hiện sự nỗ lực lớn của tỉnh trong điều kiện phải đối phó với thời tiết luôn xảy ra hạn hán, dịch bệnh và giá cả các mặt hàng chủ lực như cà phê, cao su... có năm sụt giảm rất mạnh.

2.1.2. Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa. Tuy nhiên, còn diễn ra chậm và chưa thật ổn định, thể hiện qua biểu đồ sau đây:

Biểu đồ về cơ cấu kinh tế tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2004 - 2009 [1]



Biểu đồ về cơ cấu kinh tế tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2004 – 2009 cho thấy tỉ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong cơ cấu luôn luôn cao, chiếm 56,5% năm 2004 rồi giảm xuống 53,9% năm 2006; lại tăng lên 61,4% năm 2008 và đến năm 2009 giảm còn 57,3%. Tỉ trọng của hai khu vực còn lại vẫn nhỏ bé và chậm chuyển biến. Cụ thể ngành công nghiệp - xây dựng từ 17,6% năm 2004 lại giảm chỉ còn 16,3% năm 2009 và tỉ trọng của ngành dịch vụ không thay đổi: 26,5% năm 2004 và 26,4% năm 2009.

Mặc dù nông, lâm, ngư nghiệp luôn chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế khi cả nước đang thực hiện đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, song điều đó lại phản ánh rằng Đắk Lắk đang phát huy tối đa và khai thác có hiệu quả những lợi thế của tỉnh trong phát triển kinh tế nông nghiệp, nhất là trồng và chế biến các cây công nghiệp lâu năm như cà phê, cao su, chè... Tuy nhiên, trong thời gian tới đây, tỉnh cần tiếp tục đẩy nhanh sự chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng các ngành thuộc khu vực I, tăng tỉ trọng các

ngành thuộc khu vực II và III để kinh tế phát triển toàn diện hơn.

2.1.2.1. Nông, lâm, ngư nghiệp

Khu vực nông, lâm, ngư nghiệp trong những năm qua, đã có những bước tiến mạnh mẽ. Giá trị sản xuất toàn tỉnh năm 2009 là 23.396,3 tỉ đồng, gấp gần 3,0 lần so với 7.919,2 tỉ của năm 2004.

- **Nông nghiệp:** Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của tỉnh, ngành nông nghiệp luôn giữ vai trò chủ đạo và chiếm tỉ trọng lớn: 96,6% năm 2004 và 98,2% năm 2009. Trong đó, trồng trọt đóng vai trò quan trọng chiếm tới 79,9% năm 2004 và 74,8% năm 2009 cơ cấu giá trị sản xuất của ngành.

Trong nội bộ ngành trồng trọt, sự chuyển dịch diễn ra theo hướng giảm tỉ trọng của ngành trồng cây lương thực và tăng tỉ trọng trồng cây công nghiệp, nhất là cây công nghiệp lâu năm. Một số cây công nghiệp lâu năm đã vươn lên dẫn đầu vùng Tây Nguyên cũng như cả nước như cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, bông...

+ Cây cà phê là một trong những thế mạnh kinh tế của Đắk Lắk. Năm 2004 chiếm 76,5% và năm 2009 là 72,6% tổng diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm

của tỉnh (chiếm 33,2% và 33,9% tổng diện tích; 39,6% và 36,4% sản lượng cà phê của cả nước). Cà phê Buôn Ma Thuột được đánh giá là có chất lượng cao, có hương vị đặc trưng. Do đó, thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột đã được thế giới biết đến. Địa danh Buôn Ma Thuột cũng được nhiều người ví như “thủ phủ cà phê” của Việt Nam. Vì ở đây, cây cà phê chiếm giữ vai trò quan trọng, góp phần đưa Buôn Ma Thuột từ vị trí một thị xã tỉnh lẻ cao nguyên trở thành một thành phố sầm uất - thành phố đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh.

Những vùng trồng cà phê nổi tiếng là Buôn Ma Thuột, Krông Năng, CưMgar, Buôn Hồ,...

+ Cây cao su chiếm diện tích 25,1 nghìn ha, sản lượng 28,1 nghìn tấn (năm 2009) tăng 2000 ha và 8,7 nghìn tấn so với năm 2004. Về phân bố, cây cao su tập trung chủ yếu tại các huyện Cư M'gar, sau đó là các huyện Ea Hleo, KrôngBúk, Krông Năng...

+ Một số cây công nghiệp lâu năm khác như: cây hồ tiêu, cây điều và bông vải,... cũng đang phát triển mạnh.

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển cây công nghiệp lâu năm nhằm khai thác tối đa những lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước về các sản phẩm mà tỉnh có thế mạnh, thực hiện việc xóa đói giảm nghèo cho nhân dân các dân tộc Đắk Lắk, đồng thời cũng phù hợp với điều kiện một tỉnh đang trong giai đoạn đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ngành chăn nuôi có bước phát triển khá, tỉ trọng trong cơ cấu nông nghiệp không ngừng được tăng lên. Cùng thời gian trên (năm 2004 và 2009), ngành này chiếm tỉ trọng là 14,4% và 21,2%. Trong chăn nuôi, đã hình thành một số mô hình chăn nuôi trang trại, chăn nuôi theo phương thức công nghiệp tiên tiến có quy mô lớn. Số lượng đầu gia súc, gia cầm không ngừng được tăng lên. Những địa phương có số lượng đàn gia súc, gia cầm lớn là: Krông Bông, Eakar, Krông Păk, Easup, M Drăk... Đây cũng là sự nỗ lực lớn của Đảng bộ và chính quyền các cấp nhằm đưa chăn nuôi dần trở thành ngành sản xuất chính trong cơ cấu nông nghiệp của tỉnh.

- **Lâm nghiệp:** Giá trị sản xuất của ngành Lâm nghiệp tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2004 - 2009 tăng hơn 1,4 lần, từ 176,1 tỉ đồng lên 248,8 tỉ đồng và vẫn chiếm tỉ trọng nhỏ bé trong cơ cấu giá trị sản xuất của toàn ngành nông, lâm, ngư nghiệp. Trong lĩnh vực này, giá trị đem lại chủ yếu là từ khai thác lâm sản. Vì vậy, trong thời gian tới cần phát triển ngành theo hướng bền vững.

- **Ngư nghiệp:** Đây không phải là thế mạnh kinh tế của tỉnh cho nên giá trị sản xuất còn nhỏ bé, chỉ đạt 87,9 tỉ đồng (năm 2004) và 177,2 tỉ đồng (năm 2009). Vì thế, trong cơ cấu giá trị sản xuất, ngư nghiệp chỉ chiếm tỉ trọng rất nhỏ.

2.1.2.2. Công nghiệp

Giai đoạn 2004 - 2009, công nghiệp của tỉnh đạt tốc độ tăng trưởng trung bình là 22,5%. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2009 đạt 5864,3 tỉ đồng, gấp 4,1 lần so với năm 2004 (1419,6 tỉ đồng). Nếu so

với nội vùng Tây Nguyên thì giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh đứng đầu và chiếm tỉ trọng lớn nhất (28,2%). Nhưng nếu đem so với cả nước thì giá trị sản xuất còn rất thấp, bởi vì giá trị sản xuất công nghiệp của cả vùng Tây Nguyên chỉ là 0,78% và đây vẫn là một vùng chậm phát triển về công nghiệp. Vì vậy, chưa tương xứng với những thế mạnh mà tỉnh có.

- Trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành công nghiệp, thì nhóm ngành công nghiệp chế biến đứng đầu với tỉ trọng năm 2004 là 80% và năm 2009 là 77%. Kế đến là nhóm ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước chiếm 14% (năm 2004) và 16% (năm 2009). Cuối cùng là nhóm ngành công nghiệp khai thác là 6,0% năm 2004 và 7% năm 2009.

- Nếu đi sâu vào cơ cấu sản phẩm của từng nhóm thì ngành công nghiệp sản xuất thực phẩm và đồ uống giữ vị trí quan trọng nhất. Tiếp sau là các ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm bằng gỗ, lâm sản, công nghiệp sản xuất giường, tủ, bàn ghế và nhóm ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện...

Nhìn chung, cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh thời gian qua đã có những thay đổi theo hướng đa dạng hóa, các ngành mới xuất hiện hướng vào khai thác các thế mạnh của tỉnh là: công nghiệp thủy điện, chế biến nông lâm sản, sản xuất trang phục, khai thác đá và mỏ khác... đã góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội trên địa bàn của tỉnh.

- Theo thành phần kinh tế, công nghiệp thuộc khu vực kinh tế trong nước chiếm tỉ trọng lớn nhất 99,1% năm 2004 và 98,8% năm 2009, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng thấp. Như vậy, sự hội nhập kinh tế của Đắk Lắk so với vùng Tây Nguyên cũng như của cả nước nói chung còn yếu. Đây là bài toán nan giải cho các cấp chính quyền trong việc kêu gọi đầu tư nước ngoài và đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Về tổ chức lãnh thổ công nghiệp, số lượng các cơ sở sản xuất công nghiệp ngày càng tăng. Năm 2009, cả tỉnh có 8336 cơ sở sản xuất, tăng hơn 1,3 lần so với năm 2004 (6254 cơ sở). Tuy nhiên, các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh phân bố không đồng đều và được phân bố chủ yếu tại các địa phương như Buôn Ma Thuột, Krông Păk, Eakar, Ea Hleo, Cumgar. Trong khi đó một số địa phương như Buôn Đôn, Easup, Lắk... lại tập trung ít cơ sở sản xuất với quy mô nhỏ.

Cùng với xu hướng công nghiệp hóa chung của cả nước và vùng Tây Nguyên, Đắk Lắk đang triển khai nhiều dự án phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp như: khu tiểu thủ công nghiệp Buôn Ma Thuột (diện tích 48,5 ha), cụm công nghiệp Buôn Hồ (69,3 ha), cụm công nghiệp Ea Dar (diện tích 51,5 ha) và khu công nghiệp Hòa Phú (dự kiến diện tích 187 ha). Trong tương lai, nếu các dự án nói trên đi vào hoạt động thì bộ mặt công nghiệp của tỉnh sẽ sôi động hơn với cơ cấu ngành đa dạng và những sản phẩm

chủ lực của tỉnh sẽ là: chế biến nông, lâm sản xuất khẩu, thủy điện, khai thác bô-xít... Khi mà ngành công nghiệp phát triển, tỉ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu GDP thì sẽ có những tác động tích cực hơn nữa đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

2.1.2.3. Dịch vụ

- *Hoạt động xuất, nhập khẩu* ngày càng khởi sắc và đem lại giá trị lớn: tổng giá trị xuất - nhập khẩu của cả tỉnh năm 2009 là 611.899 nghìn USD, lớn gấp 2,0 lần năm 2004 (304.191 nghìn USD). Giá trị xuất khẩu luôn chiếm tỉ lệ cao, trên 93,9% năm 2004 và 97,3% năm 2009. Trong cơ cấu hàng xuất khẩu, nông sản là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu và đem lại giá trị lớn nhất là cà phê, cao su, hồ tiêu, hạt điều, mật ong,... Hoạt động nhập khẩu cũng thay đổi cả về giá trị lẫn cơ cấu các mặt hàng nhập khẩu. Tuy nhiên, so với tỉ trọng trong cơ cấu xuất - nhập khẩu thì vẫn còn nhỏ bé. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là hàng công nghiệp nặng (các loại máy cày, máy kéo, phân bón, và một số sản phẩm cơ khí khác phục vụ cho nhu cầu của thị trường cũng như cho sản xuất và chế biến các sản phẩm công nghiệp) và khoáng sản.

Như vậy, Đắk Lắk là một trong những tỉnh có xuất siêu của nước ta. Tuy nhiên, cơ cấu các mặt hàng xuất - nhập khẩu lại chỉ ra cho chúng ta thấy rằng đây là một tỉnh kinh tế còn chậm phát triển và phát triển chưa cân đối. Giá trị đem lại cho kinh tế của tỉnh phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản và tất nhiên các sản phẩm này chỉ ở dưới

dạng thô hoặc mới qua sơ chế, giá trị kinh tế còn thấp.

- *FDI vào tỉnh ngày càng nhiều*: Tính đến hết năm 2009, cả tỉnh có 6 dự án với số vốn còn khiêm tốn khoảng 38 triệu USD. Các đối tác đầu tư chủ yếu là đến từ Nhật Bản, Hoa Kỳ, Anh.

- *Du lịch*: Lượng khách và doanh thu từ ngành du lịch của tỉnh ngày càng tăng. Nếu năm 2004 doanh thu từ ngành này là 73.668 triệu đồng thì năm 2009 đã đạt 167.688 triệu đồng (gấp hơn 2,2 lần). Hiện nay ngành du lịch đang ngày càng được các thành phần kinh tế quan tâm đầu tư. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra là trong số doanh thu nói trên thì chủ yếu từ khu vực kinh tế trong nước (100%), chưa có dự án nào thuộc nước ngoài đầu tư.

- *Giao thông vận tải, thông tin liên lạc* ngày càng được chú trọng và phát triển, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Những thách thức

Mặc dù đã đạt được những thành tựu như trên, nhưng kinh tế tỉnh Đắk Lắk cũng đang đứng trước những thách thức nhất định.

- Về quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế: Mặc dù quy mô không ngừng được tăng lên, nhưng nếu so sánh với một số tỉnh của Tây Nguyên cũng như cả nước thì còn nhỏ bé. Đóng góp vào sự tăng trưởng chủ yếu từ lĩnh vực sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, vốn là khu vực mà hiện nay đang được tỉnh khai thác triệt để. Các lĩnh vực còn lại đóng góp chưa đáng kể, chưa tương xứng với tiềm năng mà tỉnh có. Vì thế, sự tăng trưởng chưa bền vững.

- Về cơ cấu kinh tế: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung và chuyển dịch cơ cấu trong từng ngành, lĩnh vực sản xuất còn chậm.

+ Nông, lâm nghiệp là thế mạnh nổi bật của tỉnh, nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn còn thiếu tính cạnh tranh. Quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển chăn nuôi còn chậm, hiệu quả chưa cao. Giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích còn thấp, thiếu tính bền vững; một số nông sản như cà phê, hồ tiêu và cao su thường phải bán với giá thấp và không ổn định do chưa được chế biến và phụ thuộc vào thị trường bên ngoài. Việc nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế. Tình trạng thiên tai, hạn hán, dịch bệnh liên tục xảy ra gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông, lâm nghiệp.

+ Công nghiệp phát triển vẫn ở trình độ thấp mặc dù tiềm năng của một số ngành như: chế biến nông, lâm sản; thủy điện,... là rất lớn, công nghiệp chủ yếu vẫn dừng ở lại việc sơ chế, chưa thực sự có nhiều sản phẩm cạnh tranh chất lượng cao. Cơ cấu công nghiệp còn đơn điệu. Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng của sản xuất công nghiệp còn yếu kém và thiếu đồng bộ. Sức hút đối với những nhà đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài còn rất yếu, công nghiệp phát triển chủ yếu để phục vụ nông nghiệp; sản xuất công nghiệp còn kém bền vững.

+ Trong lĩnh vực dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật của các ngành còn thiếu và lạc hậu. Chất lượng đội ngũ lao động chưa cao, trình độ ngoại ngữ còn yếu,

trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn thấp, cơ cấu các mặt hàng xuất - nhập khẩu chưa tiến bộ, các sản phẩm du lịch của tỉnh chưa phong phú, chất lượng còn thấp. Việc tiếp cận thị trường xuất - nhập khẩu cũng như thị trường du lịch quốc tế vẫn còn hạn chế.

3. Kết luận

Nhìn chung, giai đoạn 2004 - 2009 tuy tình hình cả nước có nhiều khó khăn do tác động của lạm phát ở giữa kì và suy giảm kinh tế ở cuối kì, song các mặt kinh tế của tỉnh vẫn duy trì được tốc độ phát triển khá. Quy mô nền kinh tế được mở rộng [7], cơ cấu kinh tế tiếp tục có chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Đó là những thuận lợi cơ bản cho bước phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Tuy nhiên, trước yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực trạng nền kinh tế Đăk Lăk đặt ra những yêu cầu bức thiết cần phải nghiên cứu. Qua xem xét, chúng tôi có một số kết luận sau:

- Quy mô kinh tế và tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, nhưng chưa ổn định.

- Cơ cấu kinh tế thay đổi theo hướng tích cực. Tuy nhiên, tốc độ chuyển dịch diễn ra chậm chạp, diễn biến thất thường và chưa bền vững...

- Sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, các hoạt động dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp còn hạn chế.

- Lĩnh vực công nghiệp chưa phát triển, quy mô nhỏ bé, sản phẩm chưa đa dạng, cạnh tranh yếu; sản xuất phân bố không đều trên địa bàn tỉnh.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội được tăng cường xây dựng nhằm tạo đà cho sự phát triển kinh tế tiến nhanh, tiến mạnh theo kịp trình độ phát triển chung của vùng và cả nước.

- Lĩnh vực dịch vụ chưa phát triển mạnh, sự kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài còn yếu.

Hiện nay một số khó khăn và thách thức đối với tỉnh là làm thế nào để khai thác có hiệu quả nguồn nội lực, thu hút các nguồn ngoại lực trong và ngoài nước; đẩy mạnh phát triển và tăng trưởng kinh tế; nâng cao chất lượng tăng trưởng trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng vùng lãnh thổ; bảo đảm cho kinh tế phát triển nhanh, bền vững, hội nhập và cạnh tranh có hiệu quả; phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên, giữ cân bằng sinh thái, đảm bảo phát triển

bền vững.

Đề bộ mặt kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk được cải thiện, xứng đáng với vị trí và vai trò là trung tâm của vùng - một cực quan trọng trong tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia, những giải pháp cần làm ngay là tăng cường đầu tư vốn cho các ngành sản xuất; đẩy mạnh hơn nữa việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học công nghệ, kiện toàn mạng lưới giao thông vận tải của tỉnh; tăng cường về quốc phòng an ninh; tăng cường hợp tác liên tỉnh, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp các ngành; tăng cường quảng bá hình ảnh của Đắk Lắk; có cơ chế thông thoáng trong việc thu hút và kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài, nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk (2009), *Niên giám thống kê 2006*.
2. Lê Văn Nhất (2004), *Kinh tế Đắk Lắk trong thời kì đổi mới; tiềm năng, thực trạng và giải pháp*, Luận văn Thạc sĩ Địa lí.
3. Sở Công nghiệp Đắk Lắk (2005), *Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp Đắk Lắk đến năm 2010, có tính đến năm 2020*.
4. Lê Thông (chủ biên), Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Minh Tuệ (2001), *Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Lê Thông (chủ biên) (2003), *Địa lí các tỉnh và thành phố Việt Nam*, tập 4, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. UBND tỉnh Đắk Lắk (2006), *Báo cáo tóm tắt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020*.
7. UBND tỉnh Đắk Lắk (2010), *Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 và mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2015*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 14-3-2011; ngày chấp nhận đăng: 06-3-2012)